

Một số gợi ý giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Lê Văn Hùng*

Nhận ngày 02 tháng 6 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Tóm tắt: Bài viết khẳng định vai trò quan trọng của khoa học xã hội và nhân văn (KHXH & NV) trong sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. KHXH & NV không chỉ góp phần hình thành nền tảng tri thức, đạo đức, nhân cách mà còn hỗ trợ hoạch định chính sách hiệu quả, dù tác động thường mang tính gián tiếp. Tại Việt Nam, lĩnh vực này được Đảng và Nhà nước xác định là ưu tiên chiến lược. Tuy nhiên, đội ngũ trí thức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vẫn đang gặp nhiều khó khăn về nguồn lực, điều kiện và môi trường làm việc, làm hạn chế khả năng đóng góp cho sự phát triển đất nước. Bài viết phân tích những hạn chế đó, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả vai trò của trí thức KHXH & NV như một động lực cho phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Đội ngũ trí thức, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, giải pháp.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: The paper affirms the important role of social sciences and humanities in each country's sustainable development, especially in the context of international integration. Social sciences and humanities do not only contribute to the formation of a foundation of knowledge, ethics, and personality, but also support effective policy making, although their impact is often indirect. In Vietnam, the field of social sciences and humanities is identified by the Party and the State as a strategic priority. However, the contingent of intellectuals of the Vietnam Academy of Social Sciences is still facing many difficulties in terms of resources, conditions and working environment, limiting their ability to contribute to the country's development. The article analyzes these limitations and proposes solutions to effectively promote the role of intellectuals in social sciences and humanities as a driving force for sustainable development in the new era.

Keywords: Contingent of intellectuals, Vietnam Academy of Social Sciences, solution.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Khoa học xã hội và nhân văn đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. Việc nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa,... không chỉ giúp các quốc gia đưa ra các chủ trương, chính sách phát triển phù hợp mà còn góp phần nâng cao tri thức, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững chung của cộng đồng. Khi so sánh với khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tác động của lĩnh vực KHXH & NV được cho là gián tiếp và ít nhận thấy hơn. Dù việc áp dụng KHXH & NV vào các quyết định có thể là thận trọng, nhưng nó cũng có thể

* Phó Viện trưởng Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hunglevan78@gmail.com

tạo ra bước ngoặt có tính đột phá và có những đóng góp không thể đo đếm khi dựa vào những phát kiến hay khuyến nghị từ KHXH & NV (Benedikt Fecher and et al., 2021). Trong khi đó, Thomas Allard (2023) cho rằng các ngành thuộc KHXH & NV (Xã hội học, Kinh tế học và Khoa học chính trị) không cung cấp hướng dẫn sử dụng hay giải pháp để các chính trị gia có thể trực tiếp sử dụng nhưng lại rất cần thiết cho các nhà lãnh đạo chính trị phải sử dụng chúng để điều chỉnh và giúp xã hội vận hành tốt hơn. Theo Namazova Sh.A. (2020), KHXH & NV đóng vai trò quan trọng quyết định hình thành nhân cách, đạo đức và tinh thần của công dân và các thể hệ giúp hình thành xã hội hiện đại.

Trong suốt quá trình đổi mới và phát triển, Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của KHXH & NV và coi đây là một trong những lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược phát triển đất nước. Những năm gần đây, Đảng và nhà nước đã có những chủ trương và chính sách quan trọng thúc đẩy KHXH & NV phát triển. Nhưng thực tế, đội ngũ trí thức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vẫn đang đối mặt với không ít khó khăn, thách thức trong quá trình làm việc. Những khó khăn, hạn chế về nguồn lực, điều kiện và môi trường làm việc làm hạn chế năng lực và tiềm năng đóng góp vào quá trình phát triển.

Bài viết này sẽ tập trung làm rõ những vấn đề hạn chế, vướng mắc chính kìm hãm sự đóng góp của đội ngũ trí thức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vào quá trình phát triển đất nước. Từ đó, đề xuất một số gợi ý giải pháp phát huy tối đa năng lực, tiềm năng của đội ngũ trí thức KHXH & NV và trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

2. Chủ trương, chính sách phát huy vai trò của đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn

Nhận rõ tầm quan trọng của đội ngũ trí thức, Đảng đã có những chủ trương, định hướng xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức vào quá trình phát triển đất nước. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước liên quan tới nghiên cứu KHXH & NV, Chính phủ, Quốc hội đã ban hành các luật, nghị định và quyết định liên quan trực tiếp nhằm tạo môi trường và khung khổ pháp lý hoạt động cho công tác nghiên cứu KHXH & NV. Cụ thể, Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và công nghệ số 63/2024/QH15 đã tạo khung pháp lý tổng thể cho hoạt động khoa học và công nghệ. Điểm quan trọng là Luật đã công nhận KHXH & NV là bộ phận hợp thành không tách rời của hệ thống khoa học và công nghệ quốc gia, có những đặc thù riêng trong tổ chức, quản lý và đánh giá.

Về hệ thống văn bản chiến lược và quy hoạch. Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã xác định rõ KHXH & NV là một trong bảy lĩnh vực ưu tiên phát triển, với mục tiêu:

phát triển KHXH & NV gắn kết chặt chẽ với thực tiễn, phục vụ trực tiếp việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng con người Việt Nam. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 về Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đặc biệt chú trọng đến nhân tài trong lĩnh vực KHXH & NV, với các chính sách ưu tiên về đào tạo, thu hút và trọng dụng.

Về các nghị quyết của Chính phủ và Quốc hội, Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 9/7/2024 là Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 45, đã cụ thể hóa các chủ trương của Đảng thành những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể với lộ trình thực hiện rõ ràng. Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 9/1/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57 đã đưa ra những giải pháp cụ thể về nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt đánh dấu bước đột phá quan trọng trong việc tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển khoa học và công nghệ. Đặc biệt, quy định “các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân” là chính sách đột phá chưa từng có. Về các nghị định và văn bản hướng dẫn. Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan nhà nước đã cụ thể hóa cơ chế tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt đối với nhân tài. Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết 193 đã làm rõ cơ chế thực hiện các chính sách ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để các chính sách đi vào cuộc sống.

Việc ban hành, bổ sung sửa đổi các văn bản pháp lý đã tạo ra được những điểm đột phá lớn. Về cơ chế tài chính, đã giúp chuyển từ cơ chế cấp phát sang cơ chế đặt hàng, đấu thầu; từ quản lý đầu vào sang quản lý đầu ra; từ thanh quyết toán theo từng khoản mục sang khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng. Về quyền tự chủ, giúp mở rộng quyền tự chủ của các tổ chức khoa học trong bổ nhiệm cán bộ, sử dụng kinh phí, triển khai nghiên cứu, hợp tác quốc tế. Về chính sách nhân tài, đã có những điều chỉnh chính sách, đặc biệt ưu đãi về thuế, về nhập quốc tịch, về sở hữu nhà đất đối với nhân tài trong nước và nước ngoài. Về chấp nhận rủi ro, lần đầu tiên có quy định về chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, bảo vệ các nhà khoa học khi thất bại do nguyên nhân khách quan.

Dù đã có những thay đổi, đổi mới hoàn thiện, vẫn còn những điểm hạn chế và thách thức về khung pháp lý có thể kìm hãm đóng góp của hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong xây dựng và phát triển đất nước. *Thứ nhất*, tính đặc thù chưa được thể hiện đầy đủ. Các quy định pháp luật chủ yếu tập trung vào khoa học công nghệ nói chung, chưa có những quy định cụ thể về đặc thù về KHXH & NV trong nghiên cứu, đánh giá, ứng dụng kết quả. *Thứ hai*, hàm lượng dành cho KHXH & NV còn khá khiêm tốn. Trong các văn bản pháp luật, nội dung liên quan đến KHXH & NV chiếm tỷ lệ nhỏ so với khoa học tự nhiên và công nghệ, đặc biệt là nguồn lực đầu tư và các cơ chế, chính sách đặc thù. *Thứ ba*, thiếu quy định về các ngành hiếm. Chưa có chính sách đặc biệt cho các ngành nghiên cứu hiếm nhưng quan trọng như: Khảo cổ học, Hán nôm, các nghiên cứu về văn hóa truyền thống. *Thứ tư*, cơ chế đánh giá ghi nhận kết quả, đóng góp chưa phù hợp. Các tiêu chí đánh giá chủ yếu áp dụng theo mô hình khoa học tự nhiên, chưa phù hợp với đặc thù của KHXH & NV. *Thứ năm*,

các chính sách thiếu tính đồng bộ và tổng thể. Các chính sách phát triển KHXH & NV chưa thực sự có tính đồng bộ về nhân lực, về đầu tư, về điều kiện và môi trường làm việc, về đánh giá ghi nhận kết quả.

Nhìn chung, cơ sở chính trị và pháp lý đã tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển khoa học xã hội và nhân văn, thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới, cần tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, đặc biệt là những quy định phù hợp, rõ ràng và đầy đủ với đặc thù của khoa học xã hội và nhân văn.

3. Vai trò và đóng góp của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Kể từ khi thành lập ngày 02/12/1953, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển đất nước thông qua các công trình nghiên cứu khoa học cung cấp luận cứ cho Đảng và Nhà nước; tham gia cung cấp và thúc đẩy phát triển tri thức chung về KHXH & NV phục vụ phát triển đất nước và cộng đồng xã hội (VASS, 2023; VASS, 2024).

Về kết quả nghiên cứu khoa học

Với hàng nghìn công trình nghiên cứu, sách, tạp chí trong và ngoài nước, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là một trong những đơn vị có đóng góp lớn ở Việt Nam về số lượng công trình khoa học thuộc lĩnh vực KHXH & NV được ghi nhận. Kết quả, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là nơi sản sinh ra nhiều nhà khoa học đầu ngành với những công trình, cụm công trình khoa học tiêu biểu đã được Đảng và Chính phủ ghi nhận qua các thời kỳ. *Về giải thưởng Hồ Chí Minh*, qua 6 đợt xét tặng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nhận 21/28 công trình, cụm công trình khoa học về KHXH & NV được trao của cả nước (chiếm 75%). *Về giải thưởng Nhà nước*, nhận 28/31 công trình, cụm công trình của cả nước được trao qua 5 đợt xét tặng (chiếm 90,32%).

Về kết quả tư vấn chính sách cho Đảng, Nhà nước

Các kết quả nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đặc biệt là cung cấp luận cứ khoa học và tư vấn cho Đảng và Nhà nước các chủ trương, định hướng chính sách trong những giai đoạn, thời kỳ quan trọng như quá trình chuyển đổi từ kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thời kỳ khủng hoảng, trước những thay đổi lớn từ bối cảnh quốc tế. Cụ thể:

Trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng và soạn thảo, tư vấn, góp ý các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và các Nghị quyết của nhiều Hội nghị Trung ương. Chủ trì thực hiện nhiệm vụ Tổng kết 20 năm Đổi mới, Tổng kết 30 năm Đổi mới, cũng như tham gia đánh giá tổng kết 40 năm Đổi mới. Tham gia bổ sung và phát triển Cương lĩnh phát triển đất nước năm 1991, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 cũng như tham gia xây dựng nhiều chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế xã hội ở cấp quốc gia, vùng và địa phương.

Đã luận giải làm rõ các vấn đề cốt lõi giúp Đảng và Nhà nước đưa ra các định hướng, chiến lược phát triển đúng đắn, nhất là kể từ sau đổi mới như vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; công tác hoạch định, thực thi chính sách kinh tế vĩ mô (nhất là điều hành chính sách tiền tệ, chống lạm phát, tăng trưởng...); chính sách phát triển vùng và địa phương;

vai trò và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Gần đây, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là một trong những đơn vị tiên phong tư vấn cho Đảng và Nhà nước về những mô hình phát triển mới như: Cách mạng Công nghiệp 4.0, Kinh tế xanh/ Tăng trưởng xanh, Kinh tế tuần hoàn, kinh tế số (kinh tế chia sẻ, kinh tế gig...).

Góp phần làm rõ bản chất của công cuộc đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; làm rõ hơn yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng cầm quyền và công tác xây dựng Đảng trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân; về dân chủ trong Đảng, trong xã hội và ở cơ sở. Tham gia tích cực vào quá trình cải cách, hoàn thiện hệ thống pháp luật, luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn và đề xuất nhiều nội dung của *Chiến lược lập pháp đến năm 2020*.

Đã làm rõ nguồn gốc, lịch sử hình thành, quá trình phát triển của con người, xã hội, giá trị truyền thống di sản văn hóa/ văn minh/ văn hiến của dân tộc Việt Nam. Làm rõ vị trí trung tâm cũng như mục tiêu, động lực của con người trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; phát triển vì con người là mục tiêu cao nhất của mọi chính sách kinh tế - xã hội của đất nước (là đơn vị tiên phong xây dựng báo cáo Phát triển con người ở Việt Nam). Có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và chính sách xã hội nói riêng và các chiều cạnh xã hội của sự phát triển nói chung. Giúp làm sáng tỏ những luận điểm có tính đột phá trong nhận thức về tôn giáo; về mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội, về hệ thống tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa; cũng như xây dựng và hoàn thiện luật pháp của Nhà nước Việt Nam về tôn giáo.

Cung cấp luận cứ và tư vấn cho Đảng, Nhà nước trong xây dựng và thực hiện đường lối đối ngoại “đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế”, đường hướng trong quan hệ với các nước lớn, khu vực. Là một trong những cơ quan đầu tiên nghiên cứu và đưa ra quan điểm Việt Nam cần phải chủ động và tích cực tham gia hội nhập kinh tế quốc tế trên tất cả các cấp độ: song phương, khu vực và đa phương toàn cầu.

Về hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã hợp tác với hàng nghìn đối tác từ các cơ quan trực thuộc chính phủ của các quốc gia¹, các tổ chức quốc tế², các trường đại học³, viện nghiên cứu⁴, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên khắp thế giới. Các lĩnh vực hợp tác tập trung vào

¹ Nga, Trung Quốc, Mỹ, các nước thuộc EU, Anh, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, Triều Tiên, Lào, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore, Campuchia, Cuba,...

² ADB, UNDP, World Bank, JICA, EU, AUF, KAS, UNFPA, Oxfam, Action Aid, Save Children, SNV, Quỹ Japan, Quỹ Toyota, JSPS (Nhật Bản), SIDA, SAREC (Thụy Điển), CIDA (Canada) Miserior, Fulbright, HawardYenching, Ford Foundation, Japan Foundation, Korean Foundation, KOICA Hàn Quốc, Quỹ Atlantic Philanthropy, Hội đồng Khoa học xã hội Hoa Kỳ (SSRC), Hiệp hội các Hội đồng Khoa học xã hội châu Á (AASSREC), Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia về Kinh tế và Khoa học xã hội nhân văn (NRC) Hàn Quốc, Hội Kinh tế Hàn Quốc,...

³ Đại học Kagoshima, Đại học Reun, Đại học Paris Dauphine, Trường Đại học British Columbia (UBC), Đại học Quốc gia ANU, Đại học Adelaide, Đại học Perth British Columbia Canada, Trường Viễn Đông Bác cổ (EFEO), Trường Cao học thực hành Khoa học xã hội (EHESS) của Pháp, Đại học Senshu (Nhật Bản), Đại học Korea,...

⁴ Viện Hàn lâm đã thiết lập quan hệ với nhiều viện hàn lâm khoa học như Viện Hàn lâm Khoa học Nga, Viện Hàn lâm Khoa học Belarus, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Trung Quốc, Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hòa Séc, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan, Hội đồng Quốc gia về Khoa học xã hội và nhân văn Hàn Quốc, Viện Khoa học Kinh tế và Xã hội Quốc gia Lào, Viện Hàn lâm Khoa học Hoàng gia Campuchia, Hội đồng Khoa

những vấn đề lớn như: hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và trao đổi học giả, hợp tác trong tổ chức các diễn đàn, hội thảo, tọa đàm khoa học.

4. Những vấn đề hạn chế, nút thắt kìm hãm đóng góp của đội ngũ trí thức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

4.1. Những điểm hạn chế đóng góp của đội ngũ trí thức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Dù có những đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Thời gian gần đây, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cần giải quyết nên chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh sẵn có. Kết quả, hoạt động nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách có những điểm yếu nhất định (VASS, 2024). Cụ thể:

Hạn chế về nghiên cứu cơ bản: những năm gần đây, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chưa có nhiều công trình nghiên cứu và điều tra cơ bản về KHXH & NV quy mô lớn và tầm cỡ quốc gia. Chưa được Đảng và Nhà nước tin tưởng giao chủ trì thực hiện các Chương trình, Đề án trọng điểm cấp quốc gia về KHXH & NV; Chưa thường xuyên tổ chức được nhiều diễn đàn, hội thảo khoa học tạo ra tiếng vang lớn, có uy tín với tính học thuật cao ở tầm quốc tế thuộc các lĩnh vực chủ chốt của KHXH & NV. Xuất bản quốc tế dù có nhiều cải thiện trong những năm gần đây nhưng hoạt động này còn chưa đồng đều giữa các viện nghiên cứu chuyên ngành thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Chưa có nhiều các công trình nghiên cứu cơ bản có uy tín, tạo ra tiếng vang ở tầm khu vực và quốc tế.

Hạn chế trong công tác tư vấn chính sách: chưa thường xuyên cung cấp các báo cáo tư vấn chính sách ở tầm chiến lược, trọng điểm cho Đảng và Nhà nước một cách hệ thống, xuyên suốt có độ tin cậy cao và kịp thời; chưa chủ động tham gia nghiên cứu, đánh giá, đề xuất các kiến nghị giải pháp giải quyết kịp thời các vấn đề nóng, cấp bách, những vấn đề bức xúc tồn tại trong xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và đời sống người dân, những vấn đề cấp thiết của phát triển và an ninh quốc gia; Liên kết, hợp tác giữa các nhà khoa học (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, các viện nghiên cứu trực thuộc) với các nhà làm chính sách (các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ) chưa thường xuyên, liên tục dẫn tới nhiều công trình, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn nhưng chưa được chuyển tải áp dụng, triển khai kịp thời trong thực tiễn.

Hạn chế về công tác tạp chí: Các tạp chí thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các các đơn vị trực thuộc hiện chủ yếu được xuất bản tiếng Việt và phạm vi hoạt động trong nước là chủ yếu. Các tạp chí ngôn ngữ tiếng Anh số lượng còn hạn chế. Chưa có tạp chí được xếp hạng trong danh mục tạp chí quốc tế có uy tín; chưa được cộng đồng khoa học, các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

4.2. Những nút thắt kìm hãm đóng góp của đội ngũ trí thức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Những điểm hạn chế, tồn tại do nhiều nguyên nhân khác nhau, tuy nhiên, những nguyên nhân chính ảnh hưởng tới vị thế, vai trò của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong những năm gần đây là:

học xã hội Hoa Kỳ, Hội đồng Khoa học quốc gia Pháp, Hội đồng Khoa học xã hội Ấn Độ... Viện Khoa học xã hội của Thượng Hải và của các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Phúc Kiến, Chiết Giang, và Vân Nam. Viện Môi trường Hàn Quốc (KEI),...

Số lượng và chất lượng cán bộ nghiên cứu khoa học ngày càng suy giảm: giai đoạn gần đây, đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học có xu hướng giảm mạnh cả về số lượng và chất lượng. Các chuyên gia đầu ngành thuộc các lĩnh vực ngày càng “khan hiếm”, thiếu đội ngũ chuyên gia kế cận do cắt giảm chỉ tiêu tuyển dụng. Bên cạnh đó, xu hướng cán bộ nghiên cứu có trình độ cao chuyển sang khu vực tư nhân, các cơ sở đào tạo do chênh lệch về thu nhập gây ra nhiều khó khăn cho các viện nghiên cứu chuyên ngành.

Mô hình phân cấp, quản lý hoạt động chưa phù hợp: Về quản lý nhân sự, việc tuyển dụng và sa thải cán bộ vẫn khá cứng nhắc, thiếu linh hoạt. *Thứ nhất*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các viện nghiên cứu không được chủ động tuyển dụng mà phụ thuộc vào phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng từ Bộ nội vụ (sau đó Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam mới phân bổ chỉ tiêu về các viện nghiên cứu chuyên ngành). *Thứ hai*, về cơ cấu tổ chức đơn vị cơ bản phải tuân thủ theo quy định về bộ máy tổ chức (ví dụ, quy định mỗi phòng nghiên cứu cần tối thiểu 7 viên chức) chưa phù hợp với thực tiễn tổ chức hoạt động khoa học.

Ngân sách cho hoạt động khoa học ngày càng bị thu hẹp và cơ chế quản lý còn cứng nhắc và chưa phù hợp: Nguồn kinh phí phân bổ hàng năm cho các đơn vị nghiên cứu ngày càng bị cắt giảm và thu hẹp (ví dụ, kinh phí cho hoạt động khoa học dù đã được phê duyệt nhưng năm 2024 vẫn bị cắt giảm 5%, năm 2025 giảm 10%).

Về phân bổ và quản lý chỉ tiêu hoạt động khoa học vẫn khá cứng nhắc, thiếu linh hoạt gây khó khăn lớn cho các nhà nghiên cứu. Cán bộ nghiên cứu vẫn phải tiêu tốn khá nhiều thời gian, công sức để thực hiện các thủ tục không thực sự cần thiết (từ lập dự toán chi tiết tới thanh quyết toán) ảnh hưởng tới thời gian dành cho nghiên cứu chuyên môn.

Cơ chế trả lương, phụ cấp theo quy định chưa phù hợp: cơ chế trả lương theo ngạch bậc, chức danh cho cán bộ nghiên cứu hiện tại chưa tuân theo nguyên tắc thị trường (chưa tính theo hiệu quả và năng suất lao động) nên chưa tạo ra sự cạnh tranh và động lực làm việc cho đội ngũ trí thức.

Các quy định về quản lý nguồn vốn có yếu tố nước ngoài tài trợ, viện trợ, hợp tác trong hoạt động khoa học (cụ thể là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam) còn phức tạp, chưa thực sự phù hợp với thông lệ quốc tế (kế hoạch, dự toán, thủ tục giải ngân ngân sách của các tổ chức quốc tế) gây nhiều khó khăn trong thu hút nguồn tài trợ và hợp tác nghiên cứu khoa học.

Về nguồn số liệu, dữ liệu phục vụ nghiên cứu còn khó khăn và hạn chế: việc tiếp cận cơ sở dữ liệu, nhất là các bộ dữ liệu lớn (Điều tra doanh nghiệp, điều tra dân số và nhà ở, điều tra mức sống hộ gia đình,...) phục vụ hoạt động nghiên cứu và tư vấn chính sách còn khó khăn. Nhiều cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu ở từng chuyên ngành sâu thuộc khoa học xã hội vẫn còn thiếu.

Những khó khăn, vướng mắc trên sẽ kìm hãm không gian sáng tạo, cạnh tranh phát triển của đội ngũ trí thức và các viện nghiên cứu chuyên ngành. Những ràng buộc này ảnh hưởng lớn tới vị thế, vai trò và đóng góp của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong cung cấp luận cứ khoa học và tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước trong điều hành xây dựng và phát triển đất nước.

5. Một số gợi ý giải pháp phát huy vai trò đội ngũ trí thức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong giai đoạn tới

Để tăng cường năng lực và hiệu quả, việc đổi mới cơ chế phân cấp quản lý và tạo môi trường làm việc theo nguyên tắc thị trường là yếu tố quan trọng thúc đẩy gia tăng chất lượng

và đóng góp của đội ngũ trí thức Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Các gợi ý giải pháp chính là:

Về phân cấp quản lý và tổ chức bộ máy: để gia tăng tính chủ động và linh hoạt phù hợp với đặc thù hoạt động theo chuyên ngành hẹp, Chính phủ (Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính,...) chỉ giao định biên và tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ (hàng năm và giai đoạn 5 năm) cho Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Chính phủ nên phân cấp cho Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam quyền quyết định (số lượng phòng, số người mỗi phòng) cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động của các viện nghiên cứu chuyên ngành (trên cơ sở tổng định biên và kinh phí phân bổ) nhằm tạo sự linh hoạt và phù hợp đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. Tương tự, lãnh đạo các viện chuyên ngành có quyền chủ động tuyển dụng, sa thải, thăng tiến, trả lương theo hiệu quả công việc... (trên cơ sở xin chủ trương lãnh đạo cấp Viện Hàn lâm) trên cơ sở nguồn kinh phí được cấp.

Tương tự trong phân cấp quản lý nguồn kinh phí, Bộ Tài chính/ Bộ Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam/các viện nghiên cứu chuyên ngành, sẽ cấp tổng nguồn ngân sách để thực hiện. Nên phân cấp cho Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, các viện nghiên cứu trực thuộc quyết định về quy chế trả lương, thưởng, phụ cấp; quyết định về cơ cấu phân bổ chi tiêu cho các hoạt động khoa học để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cấp trên giao và phù hợp với tình hình thực tế.

Về đầu tư nguồn lực, nên ưu tiên đầu tư (máy móc thiết bị, phần mềm, trang thiết bị, tài liệu và dữ liệu, trao đổi học giả/chuyên gia) đảm bảo các điều kiện làm việc cho các nhà nghiên cứu KHXH & NV tương tự như các nước đi trước (tương đương với giai đoạn có thu nhập giống Việt Nam).

Về hợp tác quốc tế, cần có cơ chế chính sách thông thoáng, thuận tiện và phù hợp tạo điều kiện và cơ hội hợp tác giữa các viện nghiên cứu, chuyên gia của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam với các tổ chức, chuyên gia quốc tế nhằm bắt kịp xu hướng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ở các nước phát triển.

Về cơ sở dữ liệu, Chính phủ cần có quy định cụ thể về cơ chế chia sẻ thông tin dữ liệu thống kê giữa các cơ quan thống kê (Tổng cục Thống kê), các bộ ngành với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Đặc biệt, Chính phủ nên ưu tiên đặt hàng, giao Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện các chương trình điều tra cơ bản chuyên sâu về KHXH & NV nhằm gia tăng chất lượng tham mưu, tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh môi trường chính sách, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cũng cần có những đổi mới trong quản lý điều hành nhằm tạo môi trường cạnh tranh hơn trong hoạt động nghiên cứu. Chẳng hạn như gắn cơ chế phân bổ ngân sách dựa vào chỉ số KPI, có chiến lược nuôi dưỡng, đào tạo chuyên gia; xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, có cơ chế khuyến khích xứng tầm đối với những người có thành tích cao về khoa học.

6. Kết luận

Vai trò của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vào quá trình phát triển đất nước là không thể phủ nhận. Mặc dù có những thách thức và hạn chế trong quá trình phát triển nhưng các đóng góp của đội ngũ trí thức vào việc cung cấp luận cứ và tư vấn hoạch định chính sách phát triển, bảo tồn giá trị văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội... đều rất quan trọng. Các nghiên cứu trong lĩnh vực này cung cấp cái nhìn sâu sắc về hành vi con người, giúp hoạch định chính sách phù hợp và tăng cường khả năng thích ứng của quốc gia trước

những biến động lớn từ bối cảnh trong nước và quốc tế. KHXH & NV không chỉ cung cấp công cụ phân tích và lý giải các hiện tượng xã hội mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy sự phát triển và văn minh nhân loại.

Việc phát triển và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức dù đã có những bước tiến quan trọng nhờ những thay đổi về chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước. Các văn bản này tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu. Việc nâng cao nhận thức về vai trò của đội ngũ trí thức và nhân tài trong lĩnh vực KHXH & NV là một điểm nhấn quan trọng, góp phần không nhỏ gia tăng đóng góp của trí thức khoa học xã hội và nhân văn vào việc xây dựng phát triển đất nước.

Tuy nhiên, để phát huy hết tiềm năng của đội ngũ trí thức trong Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và lĩnh vực KHXH & NV nói chung, cần có thêm các chính sách cải cách mạnh mẽ về cơ chế tổ chức, quản lý đội ngũ trí thức trong lĩnh vực này. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cũng cần tiếp tục có những đổi mới về quản lý, điều hành từ đó nâng cao chất lượng và đóng góp của đội ngũ trí thức vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tài liệu tham khảo

Benedikt Fecher and et al. (2021). Understanding the societal impact of the social sciences and humanities: Remarks on role, challenges and expectations. *Front Res Metr Anal*. doi: 10.3389/frma.2021.696804

Lê Văn Hùng. (2022). Đánh giá thực trạng chính sách phát triển đội ngũ trí thức ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*. Số 7(530).

Namazova Sh.A. (2020). Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong việc hình thành một thể hệ phát triển hài hòa. <http://naukavestnik.ru/doc/2020/2/Namazova.pdf>

Nguyễn Thị Lê, Vũ Kiều Oanh, Trần Thị Thanh, Phạm Phương Hà, Nguyễn Diệu Hương. (2025). *Tổng quan về chức năng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí và sự phát triển của Khoa học xã hội và Nhân văn hiện đại*. Viện Thông tin Khoa học xã hội.

Thomas Allard. (2023). A quoi peuvent nous servir les sciences humaines et sociales? <https://www.curieux.live/2023/10/11/a-quoi-peuvent-nous-servir-les-sciences-humaines-et-sociales/>

VASS. (2023). *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: 70 năm xây dựng và phát triển*. Nxb. Khoa học xã hội.

VASS. (2024). *Tăng cường năng lực, phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Dự thảo Đề án.